

Bản án số: **18 /2019/DSTC-ST**

Ngày: 28/11/2019

V/v: *Kiện đòi tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH QUẢNG BỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Đình

Bà Trần Thị Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quảng Thị Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên;

Ngày 28/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc: *“Kiện đòi tài sản”*

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19 ngày 24/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-DS, ngày 19/11/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X; Địa chỉ: Số nhà 22, tổ dân phố 10, phường Th, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt);

* **Bị đơn:** Bà Đặng Tuyết M; Địa chỉ: Số nhà 316, tổ dân phố 06, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt);

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Điện Biên; Địa chỉ: Số 888, đường Võ Nguyên Giáp, thành phố Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Đại D – chức vụ giám đốc (Vắng mặt);

2. Ông Trần Anh Đ; Địa chỉ: Số nhà 316, tổ dân phố 06, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt);

3. Ông Lê X T; Địa chỉ: Số nhà 22, tổ dân phố 10, phường Th, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Do có quen biết từ trước, nên ngày 07/8/2019 bà X đã chuyển vào tài khoản

của bà Mai 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, với mục đích cho bà Mai vay 1.500.000.000 đồng để bà Mai đảo nợ Ngân hàng, còn 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng bà Mai rút ra đưa lại cho bà X. Bà Mai có đưa cho bà X hai bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đặng Tuyết M để làm tin. Hai bên thống nhất đến ngày 13/8/2019 bà Mai sẽ trả cho bà X số tiền vay, nhưng cho đến nay bà Mai chưa trả cho bà X, mặc dù bà X đã đòi nhiều lần.

Vì vậy bà X khởi kiện, yêu cầu bà Mai trả cho bà X số tiền gốc đã vay là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/8/2019 đến ngày 10/9/2019 = 28 ngày là: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 1,072\% / 1 \text{ tháng} \times 28 \text{ ngày} = 15.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi yêu cầu bà Mai trả cho bà X là 1.515.000.000 đồng và lãi trên số tiền gốc tính từ ngày 11/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi ngân hàng là 1% một tháng. Ngoài ra bà X không còn yêu cầu gì khác.

Ngày 21/10/2019 bà X tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với 15 triệu đồng tiền lãi và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 20/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Tuyết M trình bày:

Bà Mai thừa nhận bà X có chuyển vào tài khoản Ngân hàng của bà Mai số tiền 1.500.000.000 đồng vào ngày 7/8/2019. Nhưng số tiền này không phải do bà Mai vay của bà X, mà là tiền bà X mua hai mảnh đất tại Cụm Lọng Hòm, xã Tà Lèng, thành phố Đ của bà Mai; vì vậy bà Mai đã giao cho bà X hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Tuyết M theo thỏa thuận. Hai bên có viết giấy mua bán đất với nhau, bà Mai có ký vào bên bán.

Bà Mai đã giao giấy mua bán đất mà bà Mai đã ký và hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X, để bà X đi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với cơ quan chức năng. Nhưng sau đó bà X nói với bà Mai không mua đất của bà Mai nữa, vì bà X vay ngân hàng nhiều rồi. Bà X đòi chuyển đổi sang giấy vay nợ, nhưng bà Mai không đồng ý.

Bà Mai không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nói trên của bà X; bà Mai sẽ trả cho bà X hai mảnh đất đã thỏa thuận mua bán. Vì tin tưởng nên bà Mai đã đưa hết giấy tờ có liên quan cho bà X, nên bà Mai không có tài liệu, chứng cứ gì về việc hai bên mua bán đất để nộp cho Tòa án.

Bà Mai yêu cầu bà X phải giao nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc hai bên đã chuyển nhượng diện tích đất cho Tòa án.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Người đại diện theo pháp luật cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Điện Biên. Ông Đoàn Đại D trình bày: Bà Đặng Tuyết M và ông Trần Anh Đ có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Điện Biên để vay một khoản tiền. Tài sản phong tỏa của bà Đặng Tuyết M sẽ được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh tỉnh B trước, phần còn lại mới dùng để trả các khoản tiền phải trả khác theo quy định của pháp luật.

- Ông Trần Anh Đ trình bày: Ông Đ có được biết bà Mai vợ ông Đ có bán cho bà X hai mảnh đất với giá là 1.500.000.000 đồng, số tiền bà X chuyển vào tài khoản của bà Mai là tiền hai bên mua bán đất chứ không phải tiền bà Mai vay của bà X. Do vậy ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X. Ông Đ đồng ý với quan điểm của bà Mai là trả cho bà X hai mảnh đất mà bà X đã mua của bà Mai, hiện bà X đang cầm các giấy tờ liên quan đến việc hai bên mua bán đất và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đặng Tuyết M. Ông Đ không có trách nhiệm với số tiền bà X chuyển cho bà Mai vì ông Đ không được sử dụng số tiền trên.

- Ông Lê X T trình bày: Vợ ông T là bà Nguyễn Thị X có cho bà Đặng Tuyết M vay số tiền là 1.500.000.000 đồng để bà Mai đảo nợ ngân hàng, khi bà X cho bà Mai vay bà X cũng có hỏi ông T và ông T cũng đồng ý cho bà Mai vay nhưng bà X là người trực tiếp chuyển tiền vào số tài khoản của bà Mai. Bà Mai cho rằng số tiền bà Mai nhận của bà X là do bà X mua đất của bà Mai là không đúng vì gia đình ông T, bà X không có nhu cầu mua đất. Số tiền bà X cho bà Mai vay là tài sản chung của vợ chồng. Do vậy ông T yêu cầu bà Mai phải trả cho ông T và bà X số tiền gốc đã vay là 1.500.000.000 đồng, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản tiền lãi.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước Hội đồng xét xử nghị án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 10/9/2019 bà Nguyễn Thị X nộp đơn khởi kiện vụ án “*kiện đòi tài sản*” tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đối với bà Đặng Tuyết M; cùng ngày bà X nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí và Tòa án đã thụ lý vụ án theo Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 (Sau đây ghi tắt là BLTTDS).

- Về thẩm quyền giải quyết: “*Kiện đòi tài sản*” giữa bà Nguyễn Thị X và bà Đặng Tuyết M cùng có địa chỉ tại thành phố Đ, tỉnh B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các vấn đề khác: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã xác định mối quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình

bày của các đương sự tại phiên tòa nên đã xác định đây là mối quan hệ pháp luật “*Kiện đòi tài sản*” giữa bà Nguyễn Thị X và bà Đặng Tuyết M.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn:

- Về yêu cầu bà Đặng Tuyết M trả 1.500.000.000 (*một tỷ năm trăm triệu*) đồng tiền gốc:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được các bên thừa nhận thì: Ngày 07/8/2019 bà X có chuyển vào tài khoản Ngân hàng của bà Mai 02 tỷ đồng. Bà Mai cho rằng trong số tiền này có 1.500.000.000 đồng là tiền bà X trả cho bà Mai để mua hai mảnh đất tại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Mai đã đưa cho bà X, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc này. Mặt khác, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan thì mới được pháp luật thừa nhận. Bà Mai cho rằng có Giấy mua bán đất giữa hai bên và yêu cầu bà X xuất trình, nhưng bà X khai không có giấy này nên không có đề xuất trình cho Tòa án. Vì vậy, không có căn cứ về việc hai bên mua bán đất với nhau; yêu cầu khởi kiện của bà X là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 166 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Mai không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà X nhưng bà Mai lại thừa nhận có nhận của bà X số tiền là 1.500.000.000 đồng, không phải là tiền bà Mai vay bà X mà là tiền bà X mua đất của bà Mai. Bà Mai nhất trí trả cho bà X hai mảnh đất mà bà X đã mua của bà Mai, hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đặng Tuyết M. Bà X cho rằng bà Mai có đưa cho bà X cầm hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đặng Tuyết M là để làm tin chứ hai bên không có việc mua bán đất như bà Mai trình bày, bà X cũng không nhất trí lấy đất của bà Mai. Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ tài liệu hai bên đương sự xuất trình thì không có chứng cứ tài liệu nào thể hiện việc hai bên mua bán đất và việc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bà Mai khai và công nhận có nhận của bà X số tiền 1.500.000.000 đồng phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà X và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Việc bà X khởi kiện bà Mai là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy bà Mai phải trả số tiền trên cho bà X là phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà X là có cơ sở cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Số tiền trên ông T cho rằng là tài sản chung của ông T và bà X, bà X cũng thừa nhận điều này. Vì vậy buộc bà Mai phải có trách nhiệm trả cho bà X và ông T số tiền nợ gốc đã vay là 1.500.000.000 (*một tỷ năm trăm triệu*) đồng.

- Về yêu cầu bà Đặng Tuyết M trả tiền lãi: Bà X tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với 15 triệu đồng tiền lãi và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015.

- Giữ nguyên biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng theo quyết định số: 06/2019/QĐ - BPKCTT ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tài sản phong tỏa của bà Đặng Tuyết M sẽ được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Điện Biên trước, phần còn lại mới dùng để trả các khoản tiền phải trả khác

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng tiền bảo đảm đã nộp vào tài khoản phong tỏa, tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Điện Biên tỉnh B.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận toàn bộ, nên bà X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bà Mai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả cho bà X, cụ thể là 36.000.000 đồng + 3% x 700.000.000 đồng = 57.000.000 đồng theo quy định Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về pháp luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án và Điều 147 BLTTDS năm 2015:

2. Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

- Buộc bà Đặng Tuyết M phải trả cho bà Nguyễn Thị X, ông Lê X T số tiền gốc là 1.500.000.000 (*Một tỷ năm trăm triệu*) đồng.

2.2 Đình chỉ xét xử sơ thẩm toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Đặng Tuyết M về lãi gồm: 15.000.000 (*mười lăm triệu*) đồng tiền lãi tính đến ngày làm đơn khởi kiện và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Tuyết M không trả cho bà X khoản tiền trên, thì bà Mai còn phải trả cho bà X khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Giữ nguyên biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng theo quyết định số: 06/2019/QĐ – BPKCTT ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ cho đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Tài sản phong tỏa của bà Đặng Tuyết M sẽ được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh tỉnh B trước, phần còn lại mới dùng để trả các khoản tiền phải trả khác (*tài*

sản phong tỏa là quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại địa chỉ: Số nhà 136, tổ dân phố 06, phường N, thành phố Đ, tỉnh B thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 33 (bản đồ cập nhật năm 2010) có diện tích là 100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người sử dụng đất bà Đặng Tuyết M và ông Trần Anh Đ).

2.4. Trả lại cho bà Nguyễn Thị X 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng tiền bảo đảm đã nộp vào tài khoản phong tỏa số 8912601970134 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Điện Biên tỉnh B.

3. Về án phí: Bà Đặng Tuyết M phải chịu 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 28.725.000 (Hai mươi tám triệu, bảy trăm hai lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/09348 ngày 10/09/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP ĐBP;
- Tòa án tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thị Tám